

Tuần 2

Tiết 5, 6. **BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH**

Văn bản 2: **SỰ TÍCH HỒ GƯƠM**
(Truyện truyền thuyết)

(Phần A phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ SGK/ 22, 23, 24, 25 và thực hiện các yêu cầu ở phần các phần dự đoán, suy luận, suy nghĩ và phản hồi.

** Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị đọc:*

- Tìm hiểu một số kiến thức về Hồ Gươm.
- Xem lại kiến thức về truyện truyền thuyết.

** Nhiệm vụ 2: Trải nghiệm cùng văn bản:*

- Đọc văn bản: “Sự tích Hồ Gươm”
- Tóm tắt văn bản
- Nắm được thể loại, phương thức biểu đạt
- Chia bố cục văn bản thành từng phần

** Nhiệm vụ 3: Suy ngẫm và phản hồi.*

- Tìm hiểu về yếu tố kì ảo thông qua câu hỏi 1 SGK/ 24
- Tìm hiểu về các sự việc xảy ra trong câu chuyện thông qua câu hỏi 2 SGK/24
- Tìm hiểu về đặc điểm của cốt truyện và ý nghĩa tác giả muốn truyền đạt thông qua câu hỏi 3 SGK/24
- Tìm hiểu thái độ của tác giả dân gian đối với nhân vật thông qua câu hỏi 4 SGK/24
- Tìm hiểu đặc điểm của truyện truyền thuyết qua văn bản Sự tích Hồ Gươm thông qua câu hỏi 5 SGK/24

**Nhiệm vụ 4: Làm bài tập*

- Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài

** Nhiệm vụ 5: Vận dụng*

- Tìm hiểu thêm các kiến thức về Hồ Gươm thông qua sách, báo,...

(Phần II phía dưới các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. Trải nghiệm cùng văn bản:

1. Đọc: (sgk/ 23, 24)

2. Tác phẩm:

a. Chú thích:

b. Tóm tắt:

c. Thể loại: truyện thuyết

d. Bố cục: 2 phần:

P1: từ đầu -> không còn một tên giặc nào trên đất nước. => Long Quân cho mượn gươm thần.

P2: còn lại => Long Quân đòi gươm thần.

II. Suy ngẫm và phản hồi:

1. Yếu tố kì ảo

- Những chi tiết tưởng tượng, kì ảo có trong truyện là: Gươm thần, Rùa Vàng, Long Quân.
=> *Thể hiện đặc điểm đặc trưng của truyện truyền thuyết là truyện thường có các chi tiết kì ảo, hoang đường.*

2. Các sự việc xảy ra trong câu chuyện

<i>Sự việc</i>	<i>Hoàn cảnh</i>	<i>Diễn biến</i>	<i>Ý nghĩa</i>
<i>Cho mượn gươm thần</i>	+ Giặc Minh đô hộ nước ta làm nhiều điều ngang ngược, tàn ác. + Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thế lực còn yếu, nhiều lần thất bại.	- Lưỡi gươm- dưới biển - Chuôi gươm- trên rừng => <i>dân ta luôn ta tinh thần đánh giặc.</i> - Lưỡi và chuôi vừa như in => <i>sự đồng sức, đồng lòng, đoàn kết của nhân dân ta.</i>	=> Vừa lòng dân, thuận ý trời. Ca ngợi sức mạnh vô địch của tinh thần yêu nước; ý chí chiến đấu của nghĩa quân, của khối đại đoàn kết toàn dân.
<i>Đòi lại gươm thần</i>	- Chiến tranh kết thúc, đất nước hoà bình. - Lê Lợi lên làm vua, dời đô về Thăng Long	- Rùa Vàng đến xin lại gươm thần - Nhà vua không hề đắn đo mà sẵn sàng trao trả gươm	=> Thể hiện ước vọng hòa bình của dân tộc ta. Lời nhắc nhở, cảnh báo đối với những kẻ thù còn đang lăm le xâm lược nước ta.

3. Kết thúc truyện

- Ánh sáng le lói phản lại trên mặt hồ.
→ Ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.
→ Cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng.
- Hồ Tả Vọng đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm.
→ Ý nghĩa tượng trưng cho hồn thiêng của sông núi, tổ tiên, sức mạnh của chính nghĩa, của nhân dân.

4. Thái độ của tác giả đối với nhân vật.

- Từ ngữ xưng hô: mình công, bệ hạ.
- Câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc:
+ Sự lo lắng: “Một hôm bị giặc đuổi”
+ Phấn khởi: “Từ đó khí thế...”
→ *Sự yêu mến, tin tưởng, ngưỡng mộ*

5. Đặc điểm của truyền thuyết

Nhân vật	Cốt truyện	Yếu tố kì ảo
- Có phẩm chất, sức mạnh, tài năng. - Có công đánh đuổi giặc Minh. - Được mọi người ca tụng, tôn thờ.	+ Hàng loạt các sự việc xảy ra xoay quanh việc Lê Lợi tiêu diệt giặc Minh xâm lược + Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo + Cuối truyện nhắc đến dấu tích còn lưu lại: Hồ Gươm.	- Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo: gương thần, rùa vàng, Long Quân...

III. Tổng kết và củng cố:

1. Về thể loại:

- Nắm được định nghĩa và nhận biết một số yếu tố của truyền thuyết như yếu tố kì ảo, yếu tố lịch sử.
- Nhận biết được thái độ, cảm xúc của tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ.

2. Về cách đọc:

- Nắm được tiến trình đọc hiểu một văn bản truyền thuyết.
- Khi đọc truyền thuyết cần chú ý đến các yếu tố kì ảo và các yếu tố lịch sử.
- Biết cách đọc tóm tắt văn bản tự sự.

IV. Luyện tập:

- Em biết truyền thuyết nào của nước ta cũng có hình ảnh rùa vàng đòi gương? Theo em, hình tượng rùa vàng trong truyền thuyết VN tượng trưng cho ai và cho cái gì?

V. Dẫn dò:

(Lưu ý: học sinh ghi chép và thực hiện theo yêu cầu.)

- Nắm được nội dung của văn bản vừa học.
- Làm bài tập.
- Chuẩn bị: Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân.

Tuần 2

Tiết 6. **BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH**

Đọc kết nối chủ điểm: HỘI THỔI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN

(Phần A phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ SGK/ 25, 26, 27 và thực hiện các yêu cầu ở phần các phần dự đoán, suy luận, suy nghĩ và phản hồi.

* *Nhiệm vụ: Trải nghiệm cùng văn bản:*

- Đọc văn bản: “*Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*”

- Nắm được thể loại, phương thức biểu đạt

- Chia bố cục văn bản thành từng phần

* *Nhiệm vụ 2: Suy ngẫm và phản hồi.*

- Tìm hiểu mục đích và nguồn gốc của hội thi thông qua câu hỏi 1 SGK/ 27

- Tìm hiểu về diễn biến cuộc thi thông qua câu hỏi 2 SGK/27

- Tìm hiểu vai trò của lễ hội truyền thống thông qua câu hỏi 3 SGK/27

* *Nhiệm vụ 3: Làm bài tập*

- Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài

* *Nhiệm vụ 4: Vận dụng*

- Tìm hiểu thêm các lễ hội truyền thống của dân tộc ta thông qua sách, báo,...

(Phần II phía dưới các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. Trải nghiệm cùng văn bản:

1. **Đọc:** (sgk/ 23, 24)

2. **Tác phẩm:**

a. **Chú thích:**

c. **Thể loại:** thuyết minh

d. **Bố cục:** 3 phần

P1. Từ đầu -> trong làng => *Giới thiệu về Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân.*

P2. Tiếp -> lao động mệt nhọc => *Những nét tiêu biểu của hội thổi cơm thi.*

P3. Còn lại => *Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân mang giá trị văn hóa lịch sử.*

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Mục đích và nguồn gốc của hội thi

- Mục đích: Giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại

- Nguồn gốc: bắt nguồn từ các cuộc tẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa

2. Diễn biến cuộc thi

STT	Các công đoạn, hạng mục	Luật lệ cuộc thi

1	Lấy lửa, chuyển lửa, nhóm lửa	Leo lên thân cây chuối, vót tre thành chiếc đuă bông để châm lửa
2	Chế biến gạo	Xay giã dần sàng từ lúa thành gạo trắng
3	Đun nấu làm chín cơm	Nồi cơm được treo ở trên cành cong hình cánh cung, uốn về trước mặt, uốn lượn trên sân đình
4	Thời gian	Trong khoảng một giờ rưỡi
5	Chất lượng	Gạo trắng, cơm dẻo, không cháy
Nhận xét về vẻ đẹp con người VN: - Khéo léo, sáng tạo, tháo vát, ứng biến nhanh, phối hợp nhóm nhịp nhàng và có ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết		

3. Vai trò của lễ hội truyền thống

- Bồi dưỡng tình cảm, ý thức về quê hương, dân tộc, mở mang hiểu biết nhiều mặt cho bản thân về truyền thống văn hóa dân tộc, về vẻ đẹp của con người Việt Nam.

III. Tổng kết và củng cố:

1. Về thể loại:

- Nhận biết được văn bản thuyết minh.

2. Về cách đọc:

- Nắm được tiến trình đọc hiểu một văn bản thuyết minh.

- Khi đọc văn thuyết minh cần chú ý đến các nguồn thông tin và giá trị của đối tượng thuyết minh.

IV. Luyện tập:

- Em đã được tham gia nhiều lễ hội truyền thống của quê hương. Hãy viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu những suy nghĩ của mình về các lễ hội truyền thống đó.

V. Dẫn dò:

- Nắm được nội dung của bài.

- Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị bài: ***“Từ đơn và từ phức, từ láy và từ ghép”***

Tiết 7,8. **BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH**
Tiếng Việt: TỪ ĐƠN, TỪ PHỨC TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY

(Phần A phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ SGK/ 27, 28 và thực hiện các yêu cầu:

* *Nhiệm vụ: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt:*

- Hiểu được khái niệm từ đơn, từ phức, từ ghép và từ láy.

- Lấy được ví dụ cho từng loại từ.

* *Nhiệm vụ 2: Thực hành tiếng Việt.*

- Hoàn thành các câu hỏi trong SGK/ 27, 28.

(Phần II phía dưới các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt:

1. Từ đơn, từ phức, từ ghép và từ láy:

VD: Các/ bác sĩ/ đang/ công hiến/ âm thầm/, lặng lẽ/ để/ bảo vệ/ cho/ nhân dân.

	<i>Từ đơn</i>	<i>Từ phức</i>	
Khái niệm	- Là từ chỉ gồm một tiếng.	- Là từ gồm hai hoặc nhiều tiếng trở lên.	
Ví dụ: <i>Các bác sĩ đang công hiến âm thầm lặng lẽ để bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.</i>	- các, đang, để, cho	Từ ghép	Từ láy
		- bác sĩ, công hiến, bảo vệ, nhân dân	- âm thầm, lặng lẽ

Sự khác nhau	- Là những từ phức có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.	- Là những từ phức có quan hệ với nhau về mặt âm.
--------------	--	---

2. Thành ngữ:

Vd1:

“Nước non lận đận một mình

Thân cò **lên thác xuống ghềnh** bấy nay”

Vd2: Mẹ em vất vả **một nắng hai sương** để nuôi em khôn lớn.

=> *Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.*

II. Thực hành tiếng Việt:

Bài tập 1: trang 27

<i>Từ đơn</i>	<i>Từ phức</i>

Bài 2: Trang 27

<i>Từ ghép</i>	<i>Từ láy</i>

Bài 3: Trang 28

- ngựa: ngựa ô, ngựa hoang, ngựa vằn, trâu ngựa, ngựa xe...
- sắt: sắt đá, đường sắt, thanh sắt....
- thi: thi cử, kì thi, thi nhân, thi đua...
- áo: áo mưa, áo len, áo dạ, áo khoác...

Bài 4: Trang 28

- nhỏ: nho nhỏ, nhỏ nhắn
- khỏe: khỏe khoắn
- óng: óng ả, óng ả
- dẻo: dẻo dai, dẻo dẻo

Bài tập 5: Trang 28

- Thoăn thoắt: từ láy tượng hình (gợi ra hình ảnh) diễn tả nhịp độ mau lẹ, dáng vẻ linh hoạt của người dự thi, giúp người đọc hình dung rõ hơn về hình ảnh khỏe mạnh, sung sức của thanh niên dự thi và không khí hào hứng của cuộc thi sự khéo léo,
- Nhanh chóng: từ ghép, chỉ sự khẩn trương nhưng chưa đến mức mau lẹ, cũng chưa làm nổi bật sự khỏe mạnh, sung sức...
- > Thoăn thoắt là hợp lý

Bài tập 6: Trang 28

- Khéo léo: thể hiện mức độ cao về sự chính xác, uyển chuyển, tinh tế của động tác "cắm"
- Khéo: biết làm những động tác thích hợp để tạo ra sản phẩm đẹp mắt. Tuy nhiên chưa thể hiện được sự uyển chuyển, tinh tế
- > Khéo léo phù hợp hơn

Bài tập 7: Trang 28

1 - c; 2 - đ; 3 - d; 4 - b; 5 - a.

Bài tập 8: Trang 28

- Nghĩa quân Lam Sơn đi tới đâu giặc chết như rạ tới đó.

Bài tập 9: Trang 28

- a. nước chảy đá mòn; ngựa xe như nước...
- b. mật ngọt chết ruồi; nói lời đường mật...
- c. ngựa quen đường cũ...
- d. nhạt như nước ốc...

*** Vận dụng:** bài tập về nhà

- Viết một đoạn văn (khoảng 120 đến 200 chữ) có sử dụng thành ngữ thể hiện cảm nhận của em về lịch sử đất nước sau khi đọc các văn bản *Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm*.

V. Dẫn dò:

- Nắm được nội dung của bài.

- Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị bài: “ Đọc mở rộng: *Bánh chưng, bánh giầy*”